


## PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

### PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

ACID FORMIC		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 64-18-6 Số UN: 1779 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
<b>I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>			
Tên thường gọi của chất: Axit fomic		Mã sản phẩm (nếu có)	
Tên thương mại: Axit fomic			
Tên khác (không là tên khoa học):			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC</b> Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn	
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
Mục đích sử dụng: Dùng để hạ pH trong sản xuất keo, dùng trong thí nghiệm			
<b>II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC HẤT</b>			
Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Axit fomic	64-18-6	HCOOH	85 - 98%
Nước	7732-18-5	H <sub>2</sub> O	Cân bằng
<b>III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>			

**1. Mức xếp loại nguy hiểm** (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

**2. Cảnh báo nguy hiểm**

- Là chất dễ cháy
- Gây kích ứng đến da và mắt: Hơi nước và sương mù gây kích ứng đường hô hấp. Nồng độ cao có thể gây bong, phù phổi và tử vong.
- Có tính ăn mòn.

**3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường mắt: tổn thương mắt.
- Đường thở: Độc nếu hít phải
- Đường da: Nguyên nhân bong da nghiêm trọng
- Đường tiêu hóa: Có hại nếu nuốt phải

**IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

**1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt)

Đội rửa nước ít nhất 30 phút. Nếu triệu chứng vẫn còn, hỏi ý kiến bác sỹ.

**2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da)

Rửa bằng xà phòng và nước chảy. Thay quần áo bị nhiễm. Không cào cấu, gãi da khi bị mẫn tấy. Nếu vẫn bị mẫn tấy, hỏi ý kiến bác sỹ.

**3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Đem nạn nhân ra khỏi khu vực bị nhiễm. Không dùng khu vực nhiễm hoá chất làm khu vực xử lý sơ cứu. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Giữ nạn nhân ở vị trí thoải mái nhất và giữ ấm. Giữ thoải mái cho đến khi hoàn toàn bình phục. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Nếu thở khó khăn cung cấp oxygen. Gọi bác sỹ ngay lập tức.

**4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Súc miệng bằng nước nhiều lần. Nếu bụng cảm thấy khó chịu, nên hỏi ý kiến bác sỹ.

**5. Lưu ý đối với bác sỹ điều trị** (nếu có): Điều trị theo triệu chứng

**V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

1. **Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): dễ cháy
2. **Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Chưa có thông tin
3. **Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...):  
Tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...
4. **Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**  
Nước, khí cacbonic, hóa chất khô, xốp chống cùn.
5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** Người chữa cháy mang mặt nạ bảo vệ.
6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Khi cháy, khí khó chịu và có độc tính cao.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ**  
Trường hợp tràn đổ ra ngoài, tránh rui ro bằng cách lau chùi sạch ngay. Mang dụng cụ bảo vệ để tránh tiếp xúc với da, mắt và đường hô hấp. Làm cho khu vực tràn đổ thông thoáng.
2. **Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng** Không để hóa chất chảy xuống cống rãnh. Trung hòa với dung dịch kiềm của tro soda hoặc vôi. Dùng đất, cát và các vật chất làm kim hãm khác, thông thoát khu vực rò rỉ, ngăn cấm các nguồn sinh lửa. Rửa sạch khu vực tràn đổ bằng nước.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)  
Bồn và thùng chứa dạng lỏng phải được bố trí nơi thông thoáng xa nguồn nhiệt, lửa hay trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời. Tránh hút thuốc lá trong khu vực làm việc và khu vực bảo quản.
2. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)  
Hệ thống thoát khí phải được lắp đặt để hút khí thải. Cần thiết có hệ thống làm loãng gió để giữ hàm lượng khí thải thoát ra dưới mức độ nguy hại. Tránh tiếp xúc với các nguồn gây tia lửa.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong

khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc

- ... ) 2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc** - Bảo vệ mắt:

Mang kính bảo hộ công nghiệp.

- Bảo vệ thân thể: Mang quần áo đồng phục rộng và thoải mái. Áo dài tay và quần loại chống mẫn cảm với da. Giặt đồng phục làm việc thường xuyên và tách rời các quần áo khác.

- Bảo vệ tay: Mang găng tay chuyên dùng

- Bảo vệ chân: Mang giày chuyên dùng

3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Mang mặt nạ phòng độc

#### 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

### IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng lỏng	Điểm sôi (°C): 108°C
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy (°C): 8°C
Mùi đặc trưng: mùi hăng	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: 69°C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): 434°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1.59	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: tan hoàn toàn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH: 11.6	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> )	Các tính chất khác nếu có

### X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

#### 1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...):

Ổn định trong điều kiện thông thường và lưu trữ

#### 2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Cacbon monoxide, khói và các loại khí khó chịu và độc hại, khí cacbon dioxide
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Chất oxy hóa mạnh, bazo mạnh, axit sulfuric...
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): Chất oxy hóa mạnh, bazo mạnh, kim loại.... - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

### XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Axit fomic	FD 50 LC 50	90mg/kg 10 ppm	Da Hô hấp	Chuột Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Chưa có thông tin
2. Các ảnh hưởng độc khác

Tác động đến gan, thận, các giác quan đối với các động vật có vú khi tiếp xúc liên tục trên 100 ppm.

## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### 1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Axit fomic	Động vật	4 giờ	Suy hô hấp, gan, thận
	Thủy sinh trong nước (5000 mg/l)	24 giờ	Suy hô hấp

### 2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: rất dễ phân hủy
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

## XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

### 1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

Tuân theo pháp luật Việt Nam về yêu cầu đối với chất thải nguy hại.

### 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

**3. Biện pháp tiêu hủy:** Thu gom bằng giẻ lau, vật liệu hấp thụ và giao cho công ty môi trường xử lý.

**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** xử lý tro hóa rắn.

## XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
--------------	-------	---------------------------	---------------------------	-------------------	-----------------	-------------------

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐCP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐCP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	1779		8	Phuy Can	Chất ăn mòn	Chất dễ cháy
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

## **XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

**1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**

**2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**

**3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

## **XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 12-01-2015

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 20-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.